

Số/No: 217./2026/TB-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

Hanoi, 22 April 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ To :
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation
- Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants and Investors

- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company

- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch

- Tên Quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF

- Mã chứng khoán/ Securities code: **FUETPVND**

- Địa chỉ/ Address: Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ 11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date:

21/04/2026

- Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT/Order	Mã chứng khoán/Securities Code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/ Weight (%)
I. Chứng khoán/Stock		1,129,490,000	99.84%
1	ACB	3,200	6.77%
2	BMP	100	1.36%
3	CTD	200	1.47%
4	CTG	700	2.17%
5	FPT	2,000	13.60%
6	GMD	1,100	7.21%
7	HDB	1,900	4.52%
8	KDH	1,400	3.22%
9	MBB	2,900	6.75%
10	MSB	1,600	1.76%
11	MWG	2,100	16.21%
12	NLG	1,400	3.53%
13	OCB	500	0.52%
14	PNJ	1,000	10.17%
15	REE	700	4.04%
16	TCB	2,900	8.36%
17	TPB	1,200	1.74%
18	VPB	2,600	6.45%
II. Tiền/Cash		1,791,525	0.16%
III. Tổng/Total (=I+II)		1,131,281,525	100%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value:

1,129,490,000 VND

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF:

1,131,281,525 VND

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value:

1,791,525 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With subscription order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

+ Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có) / *In case stock can be replaced by cash*:

Mã chứng khoán/Securities Code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/ <i>Cash amount is replaced for 1 share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied investors</i>	Lý do/ <i>State the Reason</i>
FPT	84,590	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ <i>Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company</i>	Hạn chế đầu tư cổ phiếu của người liên quan / <i>Restrictions on investment in related person shares</i>
TPB	18,040	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ <i>Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company, Tien Phong Securities Joint Stock Company</i>	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ, Nhà Đầu Tư hạn chế đầu tư / <i>Restrictions on investment in parent company shares. Investor is restricted from investing.</i>

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có) / *State if component securities shall have corporate action (if any)*:

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có) / *Other information (if any)*:

Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period</i> 21/04/2026(*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> 20/04/2026(**)	Chênh lệch/ <i>Changes</i>
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>			
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>			
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ <i>Issued Shares</i>	5,600,000	5,600,000	
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ <i>Close Price</i>	11,090	11,090	
5. Giá trị tài sản ròng/ <i>Net Asset Value</i> :			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	63,351,765,429	62,749,968,179	601,797,250
của một lô ETF/ <i>per Creation Unit</i>	1,131,281,525	1,120,535,146	10,746,379
của một chứng chỉ quỹ/ <i>per Share</i>	11,312.81	11,205.35	107.46
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Benchmark Index</i>	2,542.84	2,577.40	-34.56

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 20/04/2026/Item 5 is net asset value calculated as at April 20, 2026

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 19/04/2026/Item 5 is net asset value calculated as at April 19, 2026

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised representative of Fund Management Company

